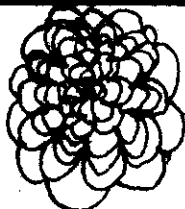


DEFENSE LANGUAGE INSTITUTE

ROBERT D. WHITEHURST III. RA 11936335

VIETNAMESE

(SAIGON DIALECT)



BASIC COURSE

LESSONS 81-96

VOLUME VI

*lie, pate & nape to belly, around we all in a circle or
chain closed so none were without
comfort or burden: even all*



DEPARTMENT OF DEFENSE

V I E T N A M E S E
(Saigon Dialect)

Basic Course
Volume VI
Lessons 81-96

24
35
120
22
840

October 1966

This pamphlet is for use by the faculty and staff of the Defense Language Institute solely for official purposes. It is NOT for general distribution. It may NOT be released to other persons, quoted or extracted for publication, or otherwise copied or distributed without specific permission in each instance from the Director, Defense Language Institute.

DEFENSE LANGUAGE INSTITUTE

she's done something to 'er eyes?
dark shadows oozed under epicanthic fold.
she looks very ordinarily Japanese
New visage, same old profile

PREFACE

The Vietnamese (Saigon dialect) Course, consisting of 176 lessons in 11 volumes, is one of the Defense Language Institute's Basic Course Series. The material was developed at the Defense Language Institute and approved for publication by the Institute's Curriculum Development Board.

The course is designed to train native English language speakers to Level 3 proficiency in comprehension and speaking and Level 3 proficiency in reading and writing Vietnamese. The texts are intended for classroom use in the Defense Language Institute's intensive programs employing the audio-lingual methodology. Tapes accompany the texts.

All inquiries concerning these materials, including requests for authorization to reproduce, will be addressed to the Director, Defense Language Institute, U. S. Naval Station, Anacostia Annex, Washington, D. C. 20390.


C. W. CHANEY
Colonel, U.S. Army
Director

Table of contents

	<u>Page</u>
Lesson 81. I. Dialogue - Interrogating a Spy	
II. Dialogue Translation	
III. Vocabulary	
IV. Reading Exercise	
Culture, Lesson 14, The Tongue	
Lesson 82. I. Dialogue - A Military Operation	
II. Dialogue Translation	
III. Vocabulary	
IV. Reading Exercise	
History, Lesson 14, The Later Le Dynasty (1428-1527)	
Lesson 83. I. Dialogue - A Surprise Attack Near An-Khê	
II. Dialogue Translation	
III. Vocabulary	
IV. Reading Exercise	
Geography, Lesson 14, Tea Growing and Tea Making	
Lesson 84. I. Dialogue - Military Operation at Binh-Hung Village	
II. Dialogue Translation	
III. Vocabulary	
IV. Reading Exercise	

Lesson 85. I. Dialogue - At the Tailor's Shop

II. Dialogue Translation

III. Vocabulary

IV. Structural Feature

"bốn lăm"

V. Reading Exercise

History, Lesson 15, The Lê
Dynasty and the Mạc Dynasty

Lesson 86. I. Dialogue - At the Furniture Store

II. Dialogue Translation

III. Vocabulary

IV. Structural Feature

"Synonym Compounds"

a. bàn ghế

b. nhà cửa

c. mua bán

d. quần áo

V. Reading Exercise

Geography, Lesson 15, Scenic
Beauty of Viet-Nam

Lesson 87. I. Dialogue - At the Bank

II. Dialogue Translation

III. Vocabulary

IV. Reading Exercise

Culture, Lesson 16, The Vietnamese
Family

Lesson 88. I. Dialogue - Inviting a Friend to
Dinner

II. Dialogue Translation

III. Vocabulary

IV. Reading Exercise

History, Lesson 16, The Dispute
Between the Nguyễn and the
Trịnh

Lesson 89. I. Dialogue - U. S. Navy

II. Dialogue Translation

III. Vocabulary

IV. Reading Exercise

Geography, Lesson 16, Industrial
Plants in Viet-Nam

Lesson 90. I. Dialogue - Geneva Conference 1954

II. Dialogue Translation

III. Vocabulary

IV. Reading Exercise

Culture, Lesson 17, Offerings and
Sacrifices in Viet-Nam

Lesson 91. I. Dialogue - Visiting a Friend

II. Dialogue Translation

III. Vocabulary

IV. Reading Exercise

History, Lesson 17, The Tây-Son
Dynasty

Lesson 92. I. Dialogue - Educational System in
Viet-Nam

II. Dialogue Translation

III. Vocabulary

IV. Reading Exercise

Geography, Lesson 17, Đà-lạt, a
Scenic Area

Lesson 93. I. Dialogue - Educational System (cont.)

II. Dialogue Translation

III. Vocabulary

IV. Reading Exercise

Culture, Lesson 18, Ancestor
Worship

Lesson 94. I. Dialogue - The Battle at Vĩnh-Mỹ

II. Dialogue Translation

III. Vocabulary

IV. Reading Exercise

History, Lesson 18, The Tây-Sơn
Dynasty

Lesson 95. I. Dialogue - Broken Dike!

II. Dialogue Translation

III. Vocabulary

IV. Structural Feature

"hàng"

V. Reading Exercise

Geography, Lesson 18, Bay of
Hà-Long

Lesson 96. I. Dialogue - Gardening

II. Dialogue Translation

III. Vocabulary

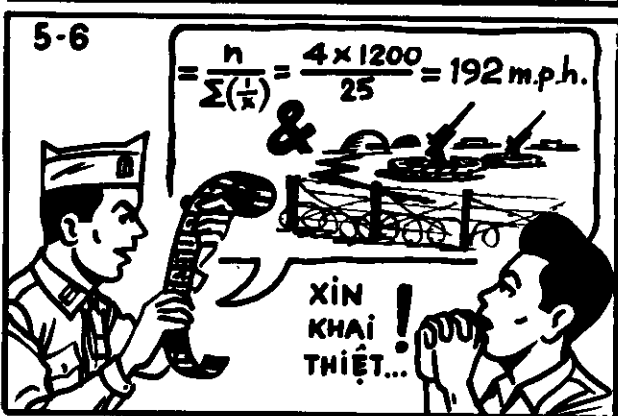
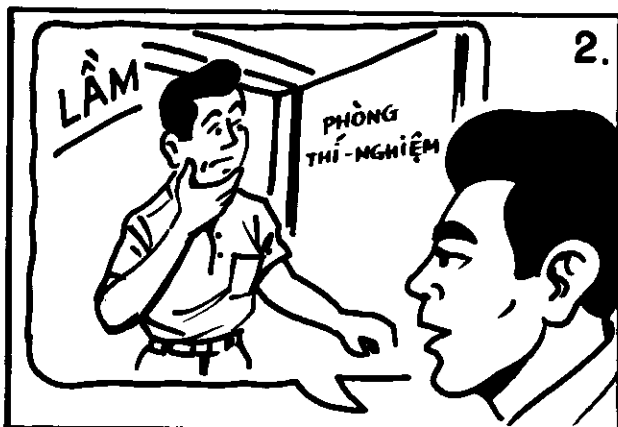
IV. Structural Feature

"... nghe"

V. Reading Exercise

Culture, Lesson 19, Duty First

GLOSSARY



BÀI THỨ TÂM MƯƠI MỘT

1. Đại-úy: Tại sao ông vô phòng thí-nghiệm của chúng tôi?
2. Gián-điệp: Thưa ông, tôi bị lạc đường nên vô lầm.
3. Đ.U: Ông muốn đi đâu?
4. G.Đ: Dạ tôi muốn tới phòng-giấy của sĩ-quan liên-lạc.
5. Đ.U: Chúng tôi đã rửa xong cuộn phim ông chụp. Tôi thấy toàn là những công-thức hóa-học và những địa-điểm quân-sự.
6. G.Đ: Xin ông lượng-thứ cho tôi. Bây giờ tôi xin khai thật tất cả.
7. Đ.U: Công-tác của ông và của hai đồng-nghiệp ông trong khu này là gì?
8. G.Đ: Tôi không biết người thứ hai. Tôi đưa tin-tức cho người thứ nhất và chỉ biết nhau bằng mật-mã thôi.
9. Đ.U: Ông phải khai thật, bằng không ông sẽ bị đưa ra tòa-án quân-sự và sẽ bị trừng-phạt.
10. G.Đ: Dạ thưa ông, tôi biết rõ lắm. Trong thời-kỳ chiến tranh tội gián-điệp rất nặng. Nhưng xin ông lượng-thứ cho tôi.
11. Đ.U: Bây giờ ông về khám viết tờ thú-tội, biến tên họ và địa-chỉ của ông, rồi ngày mai tôi sẽ lấy khẩu cung thêm.
12. G.Đ: Xin cảm ơn đại-úy.

VS. L 81

Lesson 81

1. Đại-úy: Why did you enter our laboratory?
2. Gián-điệp: I lost my way and went into the laboratory by mistake.
3. Đ.U: Where did you want to go?
4. G.Đ: I wanted to go to the office of the liaison officer.
5. Đ.U: We have developed your film. I found nothing but photographs of formulas and military positions.
6. G.Đ: Please forgive me. I'll tell the truth now.
7. Đ.U: What is your mission ~~and~~ that of your two partners in this area?
8. G.Đ: I don't know the second man. I pass information on to the first one, and we only know one another by secret codes.
9. Đ.U: You must tell the truth, otherwise you'll be tried in the Military Court and be punished severely.
10. G.Đ: Yes, sir. I understand quite clearly. During wartime spying is a major crime. But, please, forgive me.
11. Đ.U: Now, go back to jail and write a confession of your guilt on a sheet of paper bearing your full name and address. Then tomorrow I'll see you again for further interrogation.
12. G.Đ: Thank you, Captain.

Ngũ-vụng

bằng không	if not, otherwise
công-thức	formula
địa-chỉ	address
đồng-nghiep	colleague, partner
gián-điệp	spy, espionage
họ	last name
hóa-học	chemistry
khám	jail
lấy khẩu cung	to interrogate
lượng-thứ	to pardon, forgive
mật-mã	a secret code
phòng thí-nghiệm	laboratory
sĩ-quan liên-lạc	liaison officer
thời-kỳ	period, time
thú-tội	to confess guilt
tòa-án	court jury
tội	sin, crime

Cái lưỡi

Một hôm người chủ nhà ^{master} biếu người ^{servant} đầy-tổ: "Mày ra bắt con heo đem làm thịt, và xem cái gì ngon hơn hết, thì đem về đây cho tao." ^{you}

Người đầy tổ ^{day} nghe lời, bắt heo giết, rồi lấy cái ^{large} lưỡi đem vô cho chủ.

Mấy hôm sau, người chủ muốn ^{find} thử người đầy tổ, lại biếu nó đi làm thịt con heo khác và dặn rằng: "Xem có cái gì không ngon hơn cả thì đem vô."

Người đầy tổ làm heo xong, lại đem lưỡi vô cho chủ. Người chủ hỏi: "Thằng này kỳ thật! ^{really} Sao lần này ^{who} mày lại đem lưỡi vô cho tao như lần trước?"

Người đầy tổ trả lời: "Thưa ông, cũng một cái lưỡi, ^{kindness} khi tử-tê thì không có gì tốt cho bằng, nhưng khi ^{bad} độc-ác thì lại không có gì xấu cho bằng."

NOTE: Practice reading this lesson at home until you can go through it with perfect ease and fluency.

Ngũ-vịng

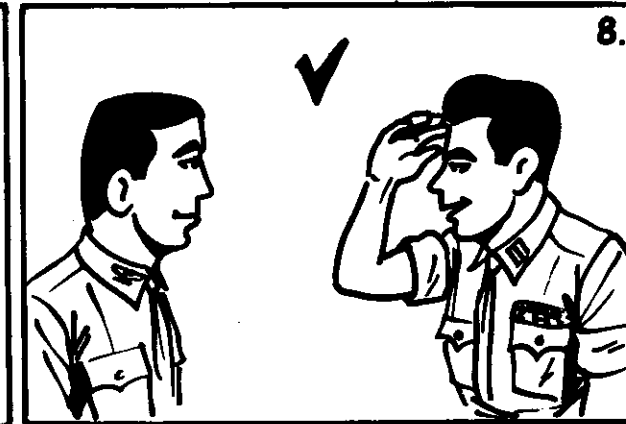
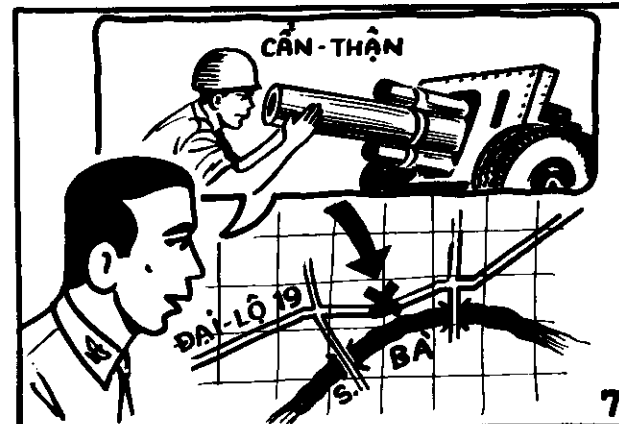
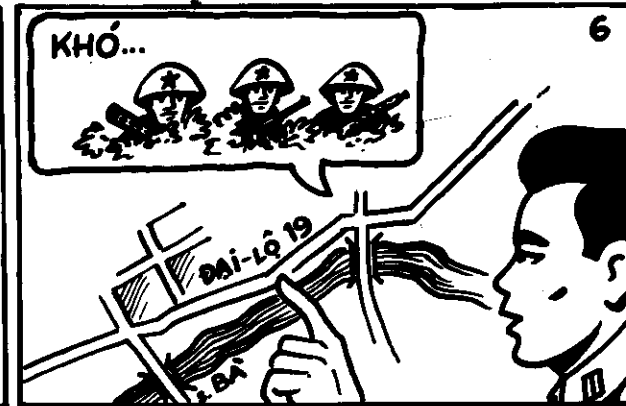
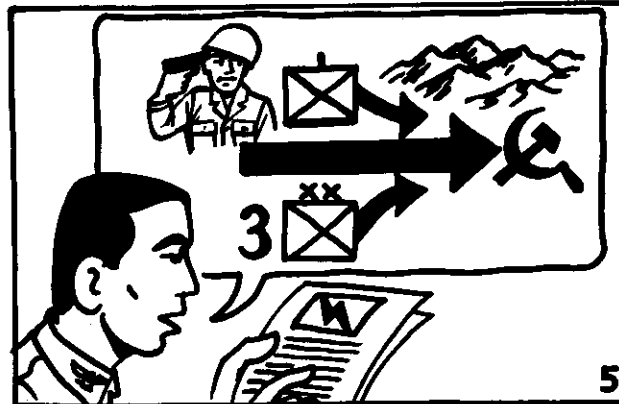
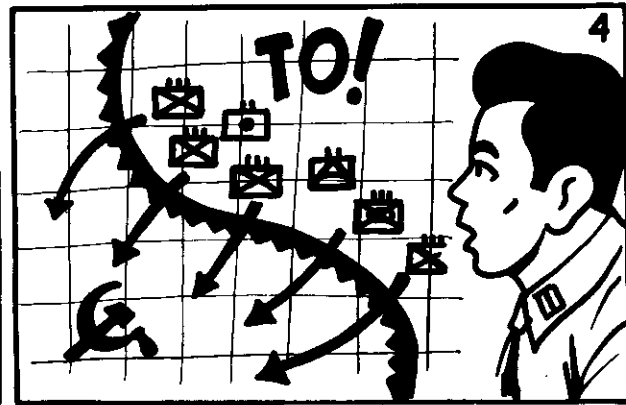
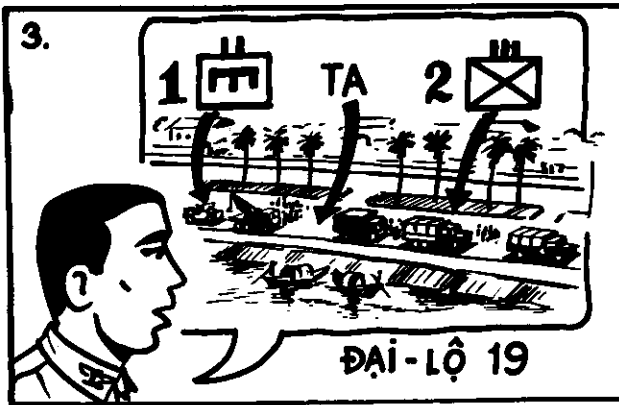
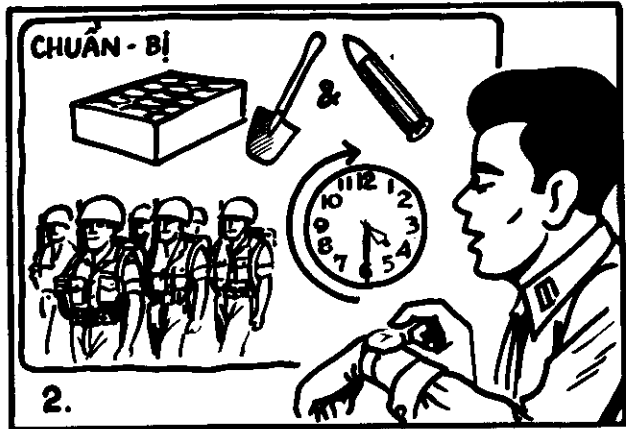
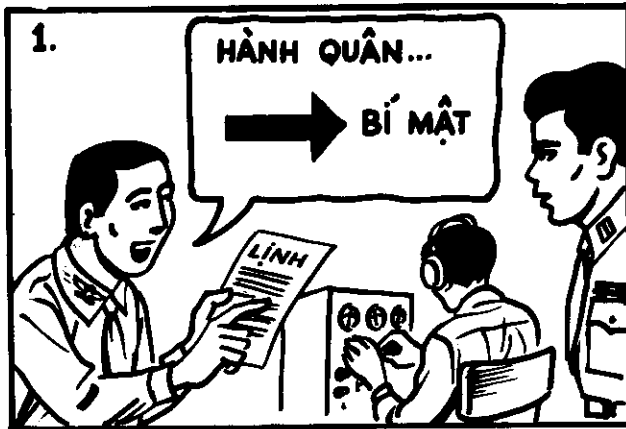
chủ nhà	master, landlord
đầy tớ	servant
độc-ác	cruel
kỳ	to be strange
lâm thịt	to kill for meat
lưỡi	tongue
mây	you (superior to inferior)
nghe lời	to obey
tao	I (superior to inferior)
thử	to test

Câu hỏi:

1. Một hôm người chủ nhà biếu người đầy tớ cái gì?
2. Người đầy tớ giết heo và đem cho chủ cái gì?
3. Lần thứ hai người đầy tớ giết heo để làm gì?
4. Tạo sao cả hai lần giết heo, người đầy tớ đều đem cái lưới cho chủ?
5. Ông nghĩ truyện cái lưới ngụ-ý (to imply) gì?

Tục-ngữ Việt-Nam:

longue No *long* many ways *very many ways complicated*
"Lưới không xương trăm đường lắt léo."



BÀI THỨ TÁM MƯƠI HAI

1. Đại-tá: ^{Tôi vừa nhận được điện-tín} Tôi vừa nhận được điện-tín tối-khẩn ra lệnh rằng hôm nay chúng ta phải đi hành-quân.
Địa-diêm hãy còn giữ bí mật.
2. Đại-úy: Tôi sẽ cho anh em binh-sĩ chuẩn-bị đồ tiếp-tê, đồ phụ-tùng, đạn-dược. Trong nửa giờ nữa có thể xuất quân.
3. Đ.T: Ta sẽ hợp với đệ-nhứt tiểu-đoàn công-binh và đệ-nhi trung-đoàn xung-phong trên đại-lộ 19.
4. Đ.U: Thưa đại-tá, có lẽ trận tấn-công này sẽ to lắm.
5. Đ.T: Đúng rồi. Ban truyền tin cũng vừa cho hay là một đại-đội cảm-tử của đồng-bào thượng và các đội tăng-phái và biệt-phái của đệ-tam sư-đoàn sẽ hợp-lực với ta.
6. Đ.U: Thưa đại-tá, đại-lộ 19 có nhiều khúc phẳng và rộng mênh-mông, địch quân khó mà phục-kích được.
7. Đ.T: Phải rồi. Khi nào chúng ta tới mé sông Bà thì xin đại-úy khám xét cẩn-thận tất cả các loại súng. Mé sông đó là diêm-hẹn của ta.
8. Đ.U: Dạ. Tuân lệnh.

Lesson 82

1. Đại-tá: I have just received an urgent message giving an order to start an operation. The destination is still being kept secret.
2. Đại-úy: I shall ask the soldiers to prepare the supplies, tools and ammunition. We can take the troops out in another half hour.
3. D.T: We'll join the First Engineer Battalion and the Second Shock Troop Regiment on 19th Boulevard.
4. D.U: Colonel, sir, perhaps this will be a very big operation.
5. D.T: Exactly. The Signal Corps has just informed us that one suicide troop company of the Highlanders and the reinforcement and detachment troops of the Third Division will also join us.
6. D.U: Colonel, the 19th Boulevard has many even and wide sections, it would be difficult for the enemy to ambush us.
7. D.T: Right. Captain, when we reach the bank of the Bà river, would you examine all the weapons carefully? That river bank is our rendezvous place.
8. D.U: Yes, sir. At your order.

Ngũ-vũng

bí mật	secret
biệt-phái	detachment (troops)
đại-lộ	boulevard
cho hay	to inform
đệ-nhứt	first rank, first
đệ-tam	third rank, third
điểm-hẹn	rendezvous place
điện-tín	telegram
đồng-bào thượng	highlanders (Montagnards)
hành-quân	military operation
hợp	to reunite, join
hợp-lực	to combine efforts, forces
khúc	piece, section
loại	category, kind, type
mé	bank, border
mênh-mông	immense, vast
phẳng	flat, level
phụ-tùng	accessory
tăng-phái	reinforcement (troops)
tối-khẩn	very urgent
truyền tin	to transmit, circulate the news
xuất quân	to take the troops out

Nhà Hậu Lê (1428-1527)

Sau khi chiến-thắng quân Minh đem lại độc-lập cho nước Việt, ông Lê-Lợi lên làm vua năm 1428, lấy tên là Lê-Thái-Tổ, đổi tên nước là Đại-Việt.

Tuy rằng chiến-thắng được quân Trung-Hoa rồi, nhưng vua Lê-Thái-Tổ vẫn phải ^{offer tribute} [chịu cống] nước Tàu. Thế cũng là một sự ^{social relations} [giao-thiệp] ^{clever shrewd} [khôn-khéo], làm cho nước được ^{peaceful} [bình-yên].

Trong khi nhà Minh ^{occupation} [đồ-hộ nước] Việt, chúng đã ^{destroy} huy-bỏ tất cả những ^{organization} [tổ-chức] của người Việt và ^{force} [bắt] họ phải theo Tàu để đồng-hóa dân Việt với người Trung-Hoa. Vì thế vua Lê-Thái-Tổ phải ^{education} tổ-chức lại tất cả các việc trong nước: sửa đổi việc ^{new regulations} (giáo-dục), đặt ra luật-lệ mới, ^{re-organize} tổ-chức lại việc ^{government} [cai-trị] v.v... Vua Lê-Thái-Tổ làm vua được 6 năm thì ^{died} mất, ^{take} [thọ] được 49 tuổi.

Đến năm 1527, Mạc-dăng-Dung, một quan to ^{court} ở trong triều, giết vua Lê-chiêu-Tông, rồi cướp ngôi nhà Lê. Tuy nhà Lê mất ngôi, nhưng nhiều người còn muốn theo giúp, nên ^{find} tìm con cháu nhà Lê lập ra một triều-đình riêng ở vùng Thanh-Hóa, ^{Province} tỉnh Nghệ-An để chống lại nhà Mạc. Đó là thời-kỳ Nam-triều (nhà Lê) và Bắc-triều (nhà Mạc). Hai bên đánh nhau trong hơn sáu mươi năm trời.

NOTE: Practice reading this lesson at home until you can go through it with perfect ease and fluency.

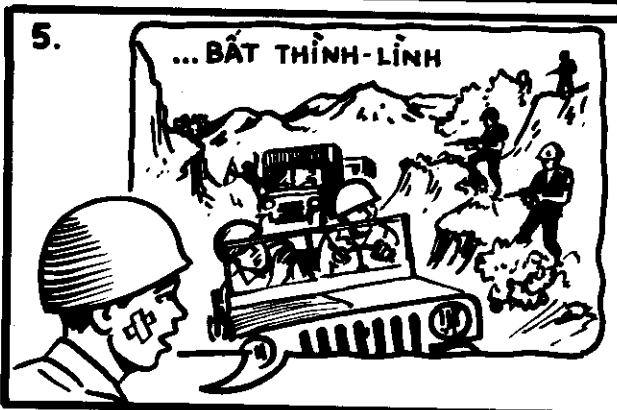
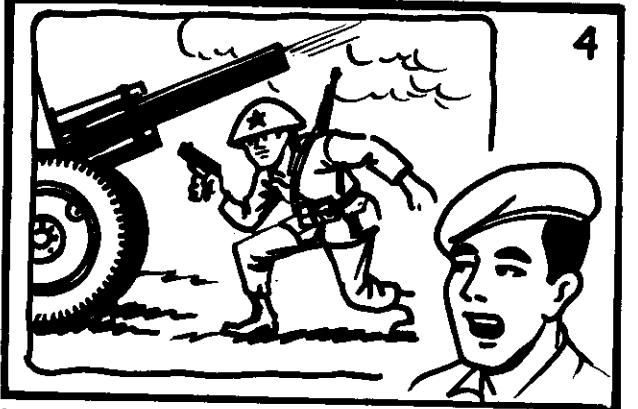
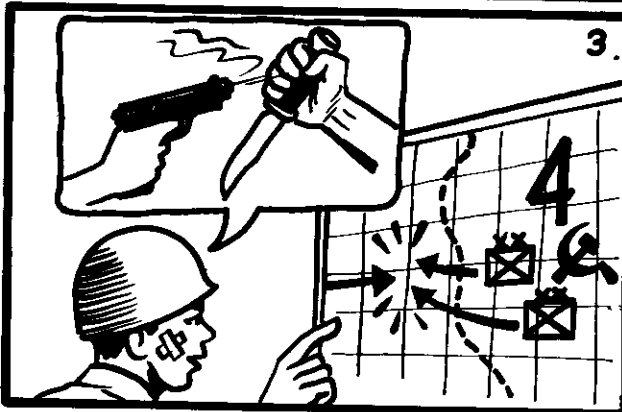
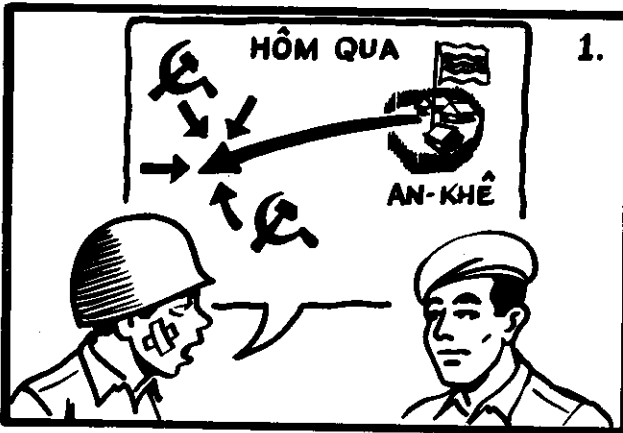
Ngũ-vịng

Bắc-triều	Royal Court of the North
con cháu	offspring
công	to offer as a tribute
Đại-Việt	11th known name of Việt-Nam under the Later Lê Dynasty and the Nguyễn Dynasty (1428-1802)
đặt ra	to set up
giáo-dục	education
giao-thiếp	(social) relations
Hậu-Lê	the Later Lê Dynasty
hủy-bỏ	to destroy
khôn-khéo	clever, shrewd
luật-lệ	rules and regulations
Nam-triều	Royal Court of the South
thọ	to be (so many years old)
xâm-phạm	to transgress, violate

Câu hỏi:

1. Năm 1428 Ông Lê-Lợi lên làm vua lấy tên gì?
2. Đại-Việt là gì?
3. Tại sao vua Lê-Thái-Tổ đã chiến-thắng được quân Trung-hoa mà còn phải chịu cống nước Tàu?
4. Dưới thời Hậu-Lê, nước Việt có bình-yên không?
5. Nhà Minh đồ-hộ nước Việt như thế nào?
6. Vua Lê-Thái-Tổ đem lại độc-lập cho nước Việt và đã làm những gì?
7. Mạc-dăng-Dung là ai và có phải là một người trung với vua không?
8. Sau khi nhà Lê mất ngôi, con cháu nhà Lê làm gì?
9. Nam-triều là gì? Bắc-triều là gì?
10. Nhà Mạc và nhà Lê đánh nhau bao nhiêu năm?

Tục-ngữ Việt-Nam: *cope with*
wisdom khôn ngoan *conduct* đối đáp *foreigners* người ngoài,
children same one mother children Gà cùng một mẹ chớ *hoài* *wide* *right* *fight each other* đã nhau."



BÀI THỨ TÁM MƯƠI BA

1. Nam: Ghé quá, hôm qua quân ta vừa rời khỏi đảo An-Khê thì bị địch tấn-công dữ-dội.
2. Hải: Địch lại dùng chiến-thuật biến người rồi. Chúng không hề gì đến tánh-mạng cả.
3. N: Có lẽ chúng huy-dộng cả hai sư-đoàn ở khu tư. Đồng như kiến. Phần nhiều quân ta phải dùng khí-giới trắng và đánh giáp lá-cà.
4. H: Gần như vậy thì những vũ-khí hạng nặng của ta vô-hiệu à?
5. N: Đúng rồi. Địch phục-kích bất thình-lĩnh quá. Và lại địa-thế hiểm-trở nên quân ta khó mà trở tay kịp.
6. H: Trận đó, hai bên bị thiệt-hại như thế nào?
7. N: Địch nhất gan quá! Mỗi đầu thì chúng tấn-công như mưa như gió. Nhưng một hồi sau chúng chạy vào rừng lẩn trốn. Chỉ để lại một ít xác chết thối.
8. H: Rừng núi thiệt là một lợi khí cho quân du-kích.



Lesson 83

1. Nam: How awful, yesterday as our troops left An-Khê pass the enemy attacked fiercely.
2. Hải: The enemy again used "human sea" tactics. They were completely unconcerned about human lives.
3. N: They probably used their two Divisions in zone 4. They were so numerous. Most of our troops used side arms and fought hand-to-hand.
4. H: Our heavy weapons were ineffective since the enemy was so close.
5. N: Exactly. The enemy ambushed us so suddenly. Moreover, the terrain was quite rugged, making it difficult for us to react.
6. H: How were the casualties on both sides in the battle?
7. N: The enemy was not so courageous. At first they attacked fiercely. A little while later they fled into the forest leaving behind them a few dead bodies.
8. H: Forests and mountains are indeed useful weapons for guerrillas.

Ngũ-vịng

bất thình lình	all of a sudden, suddenly
cả hai	both
chiến-thuật biển người	"human sea" tactics
đệ-nhị	second, second rank
đèo	a mountain pass
địa-thế	position (relatively to others), terrain, location
ghê	awful, terrible
huy-động	to mobilize
khí giới trắng	side arms
kiên	ant
lần trốn	to flee and hide
lợi khí	sharp tool, effective weapon
SAY ^{LIVER} nhát gan	coward
rời khỏi	leave a place
rừng	forest
tánh-mạng	life
vô-hiệu	ineffective
vũ-khí	weapon
xác chết	dead body



Trà

Cách trồng và trông nom cây trà cũng giống như cách trồng và trông nom cây sơn. Sơn và trà khác nhau ở chỗ cây trà thì ^{short}thấp và có nhiều cành hơn. Lá và nhút là búp ^{offer}phải hái; như vậy lá và búp ^{grow better}mọc thêm nhiều hơn.

Về mùa xuân, ^{buds}[nụ trà] bắt đầu nảy. Nụ, lá, và búp trà đều dùng để làm trà. Tùy theo trà làm bằng nụ, bằng lá, hay bằng búp, ^{flavor}mùi-vị của trà khác nhau và còn khác nhau ở ^{methods/making}[cách, thức] làm trà nữa.

Búp trà hái về người ta ^{picked to dry}[đem phơi] trong những phòng ^{best}mát và ít ánh sáng. Khi búp trà đã ^{become withered}héo đi thì người ta lấy tay ^{crush}[vò] búp trên những chiếc bàn bằng đất sét.

Đàn ông ^{crush}vò, đàn bà đem ngay búp đã vò ^{crushed pour}đổ vào nồi rang. Nồi phải ^{covered tight}đậy kín để giữ lấy hơi và ^{vapor}mùi trà. Lửa phải nhỏ và đều.

Rang xong, người ta chọn trà ra từng ^{sorts into kinds}hạng. Trà ướp với ^{lotus}[hoa sen] gọi là trà ^{lotus}[sen]. Lá trà hái về để nấu nước uống ^{pickled}gọi là trà ^{green}tươi.

Người Việt-Nam quen uống nước trà sau bữa cơm cũng như người Mỹ dùng cà-phê.

NOTE: Practice reading this lesson at home until you can go through it with perfect ease and fluency.

Ngũ-vịng

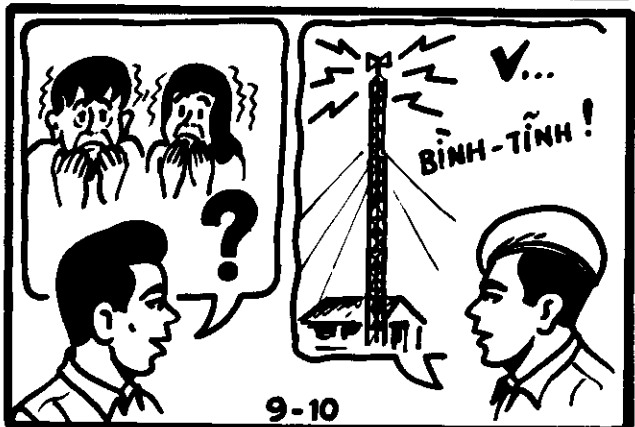
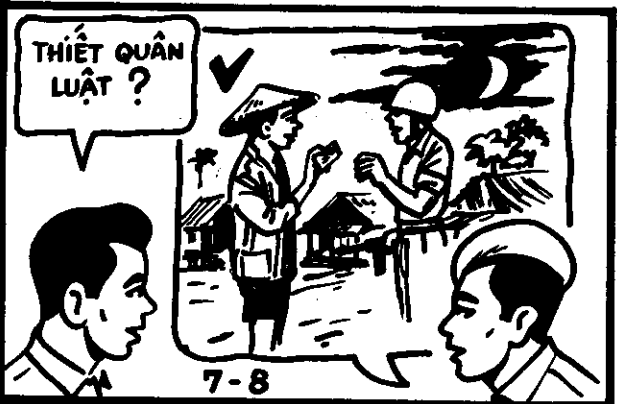
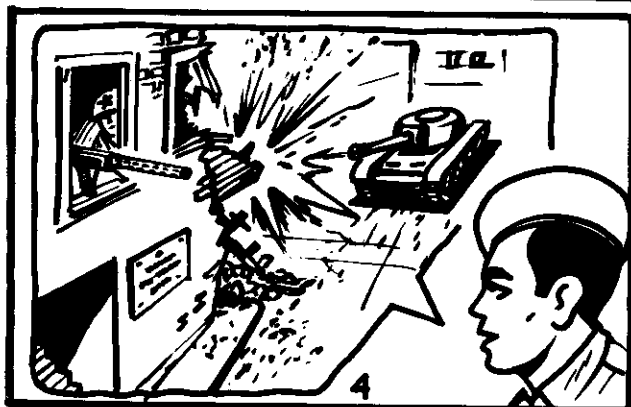
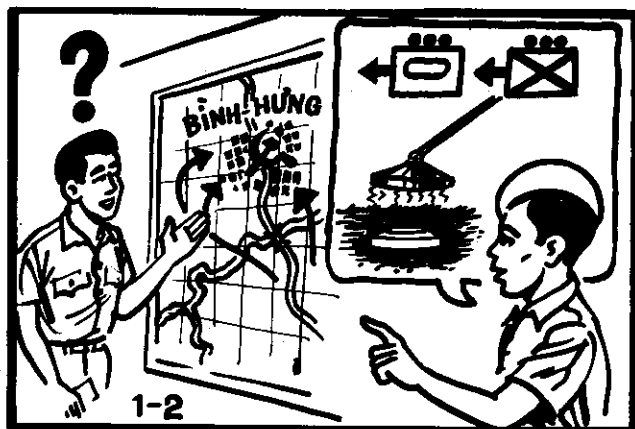
ánh sáng	beam of light, light
búp	bud, burgeon
cách-thức	way, method
đất sét	clay
đậy kín	to cover tight
hái	to pick (fruit, flower, vegetable)
héo	to wither, dry up
hoa sen	lotus flower
hơi	vapor
lá	leaf
mùi vị	flavor, taste
năng	often, frequently
nảy	to sprout
nụ trà	tea buds (of flowers)
rang	to roast
trà tươi	green tea
ướp	to perfume with flower petal or stamens
vò	to crumple, crush

Câu hỏi:

1. Cách trồng trà có giống cách trồng sơn không?
2. Cây sơn và cây trà khác nhau như thế nào?
3. Trà làm bằng gì? Nụ, lá hay búp?
4. Mùi-vị trà khác nhau ở chỗ nào?
5. Người ta làm trà như thế nào?
6. Khi rang trà, tại sao nổi phải đậy kín?
7. Trà sen là gì?
8. Trà tươi là gì?
9. Người Việt-Nam thích uống nước trà vào lúc nào?
10. Người Mỹ uống trà vào lúc nào?

Tục-ngữ Việt-Nam:

straight
"Cây ngày không sợ chết đứng."
Tea not afraid die standing



BÀI THỨ TÁM MƯƠI BỐN

1. Phóng-viên: Xin ông cho tôi biết một vài tin-tức về cuộc tảo-thanh ở làng Bình-hung.
2. Sĩ-quan liên-lạc: Một trung-đội xe tăng dẫn đường. Trung-đội bộ-binh theo sát trung-đội xe tăng. Họ thảo rất cần-thận những mìn chông người dọc theo đường trong làng.
3. P.V: Chùa và đình làng có hư-hại gì không?
4. S.Q.L.L: Chúng tôi được lệnh phải bảo-tồn các chùa và đình làng. Nhưng có một ô súng liên-thanh ở một công-thụ bắn xuống chúng tôi nên chúng tôi buộc lòng phá-hủy công-thụ đó.
5. P.V: Có thường-dân nào bị thiệt-mạng không ông?
6. S.Q.L.L: Dạ không, một số du-kích bị trúng đạn chết ngay tại chỗ. Còn một số khá đông lần-lút dưới hầm ra đầu hàng. Họ được dẫn về trại để ~~chết~~ ^{phong-vân}.
7. P.V: Đêm đó có thiết quân-luật không ông?
8. S.Q.L.L: Dạ có. Bất cứ một người nào đi qua làng đều phải có giấy phép của Quân-đội Quốc-gia Việt-Nam.

9. P.V: Chắc dân-chúng lo sợ lắm, phải không ông?
10. S.Q.L.L: Dạ phải. Nhưng đài phát-thanh quân-đội quốc-gia kêu gọi dân-chúng nên bình-tĩnh và tôn-trọng kỷ-luật trong giờ phút nghiêm-trọng đó.
11. P.V: Về sau, bộ tổng-tư-lệnh có cho thi-hành chánh-sách dân-vận không?
12. S.Q.L.L: Dạ có, vì quân-đội muốn đề-cao cảnh-giác dân-chúng chống các mưu-mô manh-lởi của địch.

Lesson 84

1. Phóng-viên: Would you please give me some information about mopping up the enemy at Bình-hung village?
2. Sĩ-quan liên-lạc: One tank platoon led the way. The infantry platoon followed close to the tank platoon. They've very carefully neutralized the antipersonnel mines along the roads in the village.
3. P.V: Were the pagodas and communal houses in the village damaged?
4. S.Q.L.L: We were ordered to preserve pagodas and communal houses. But a machine gun from a public building fired on us, we we were forced to destroy that building.
5. P.V: Did any civilians die?
6. S.Q.L.L: No, a number of guerrillas were hit and died on the spot. And quite a few enemy who were hiding in the trench came out and surrendered. They were taken back to the camp for interrogation.
7. P.V: Did the army declare martial law that night?
8. S.Q.L.L: Yes, they did. Anybody who went through the village had to have a permit from the Vietnamese National Army.

VS. I 84

9. P.V: The people were afraid and worried, weren't they?
10. S.Q.L.L: Yes. But the broadcasting station of the National Army made an appeal to the people to remain calm and observe order during those crucial hours.
11. P.V: Did the General Staff order operation alert among the people afterwards?
12. S.Q.L.L: Yes, because the Army wanted to heighten the people's vigilance against enemy tricks.

VS. L 84

Ngũ-vũng

bảo-tồn	<i>bảo tồn</i>	to keep, preserve
bình tĩnh		calm
cảnh-giác	<i>cảnh giác</i>	vigilance
chánh-sách		policy
chùa		pagoda
công thự		public building, government building
đài phát-thanh		broadcasting station
dân-vận		civilian proselyting
đầu hàng		to surrender
đề-cao		to uphold, heighten
đình		communal house (in the village)
kêu gọi		to call, to call upon
kỷ-luật		discipline
lần-lút		to sneak, to go furtively
mánh-lỏi		trick, artifice
mìn chống người		antipersonnel mine
mưu-mô		plot
nghiêm-trọng		serious, solemn, grave, crucial, critical (hours)
phá-hủy		to destroy (completely)
sát		close
tảo thanh	<i>clean up</i>	to mop up - <i>clean up</i>
thiết quân-luật		to establish martial law
thường-dân		civilian population
tôn trọng		to respect, to observe

Story Mountain God WATER God
Truyện Sơn-Tinh, Thủy-Tinh

Custom relate

King of Animals

Tục truyền rằng vua Hùng-Vương thứ mười tám có người

con gái rất đẹp. Sơn-Tinh và Thủy-Tinh đều muốn hỏi làm vợ.

Hùng-Vương ^{promise} hẹn ai đem ^{offering present} (đồ lễ) đến trước, thì ^{treasure that} gả cho.

Sáng hôm sau, Sơn-Tinh đến trước, lấy được vợ đem lên núi.

Thủy-Tĩnh đến sau, giận lắm, làm mưa to, gió lớn, rồi đem quân lên đánh Sơn-Tĩnh; mực nước biển lên rất mau.

Sơn-Tĩnh ở trên núi, hễ nước lên cao bao nhiêu, thì lại làm núi cao bấy nhiêu. Thủy-Tĩnh đánh hoài không được, phải rút về. Từ đó về sau, năm nào Sơn-Tĩnh và Thủy-Tĩnh cũng đánh nhau một lần. [Khi ấy] thì trời mưa to, nước sông lên mênh-mông [làm hại] cả đồng ruộng.

NOTE: Practice reading this lesson at home until you can go through it with perfect ease and fluency.

11/26/44

4 2 2 2 2

Ngũ-vụng

... bao nhiêu, thì
... bấy nhiêu

đồ lễ

gả

hễ

hẹn

hỏi làm vợ

làm hại

mênh-mông

Sơn-Tĩnh

Thủy-Tĩnh

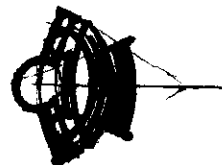
từ đó về sau



row



Robert Whitehurst III.



35 = debauchery, lust



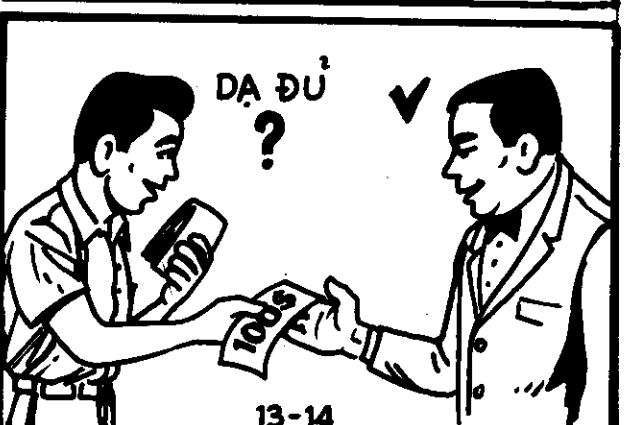
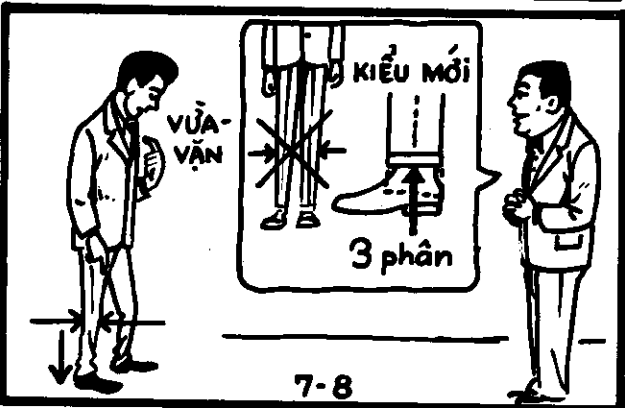
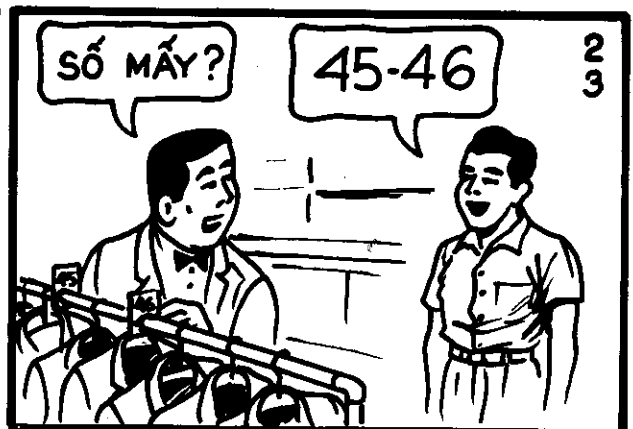
VS. L 84

Câu hỏi:

1. Sơn-Tĩnh và Thủy-Tĩnh muốn hỏi ai làm vợ?
2. Vua Hùng-Vương hẹn như thế nào?
3. Ai lấy được con gái của Hùng-Vương?
4. Thủy-Tĩnh có giận không? Thủy-Tĩnh làm gì?
5. Sơn-Tĩnh và Thủy-Tĩnh đánh nhau như thế nào?
6. Thủy-Tĩnh đánh có được Sơn-Tĩnh không?
7. Mấy năm thì Sơn-Tĩnh và Thủy-Tĩnh đánh nhau một lần?

Tục-ngữ Việt-Nam:

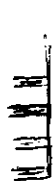
buffalo slow drinks water muddy
"Trâu chậm uống nước đục."



BÀI THỨ TÁM MƯƠI LĂM

1. C: Thưa ông, tôi muốn mua một bộ quần-áo nỉ xám để mặc đi ăn tiệc.
2. Người bán hàng: Thưa ông, ông mặc quần-áo số mấy?
3. C: Dạ số bốn lăm hay bốn sáu.
4. NBH: Thưa ông, tôi có mấy bộ may sẵn. Mời ông mặc thử coi.
5. C: Thưa ông, nỉ này được nhập-cảng từ đâu?
6. NBH: Dạ từ Hồng-Kông. Nỉ này là nỉ thượng-hạng, bền và ấm lắm. Mời ông soi gương xem có vừa ý không.
7. C: Cái áo thì vừa-vặn, nhưng cái quần thì hơi dài và ông quần hơi hẹp.
8. NBH: Thưa ông, không hẹp đâu.  Kiểu mới năm nay họ may như vậy đó. Tôi sẽ biếu thợ cắt ngắn đi độ ba phân.
9. C: Xin ông cắt ngắn độ hai phân thôi. Chẳng nào tôi có thể trở lại lấy bộ quần-áo được ông?
10. NBH: Dạ mời ông trở lại ngày mai.
11. C: Tốt lắm. Mai tôi được lãnh lương. Tôi sẽ tới lấy bộ quần-áo mới để tôi mai đi ăn tiệc.
12. NBH: Bây giờ xin ông đặt một ít tiền cọc.
13. C: Một trăm đồng có đủ không ông?
14. NBH: Dạ đủ. Cảm ơn ông. Mai tôi xin gặp ông lại.

VS. L 85



Lesson 85

1. Cđ: Sir, I'd like to buy a gray wool suit to go to a party.
2. Người bán hàng: What size do you wear, sir?
3. C: Forty-five or forty-six
4. N.B.H: Sir, I have a few ready-made suits. Please, try them on.
5. C: Where was this wool imported from?
6. N.B.H: From Hong Kong. This is the best wool, very durable and warm. Please look at yourself in the mirror to see whether you're pleased with it.
7. C: The jacket fits me, but the pants are a little long and the pants legs are a little narrow.
8. N.B.H: Not narrow, sir. That's the new fashion. I'll have the tailor shorten them about three centimeters.
9. C: Please, have them shortened only two centimeters. When could I come back to get the suit?
10. N.B.H: Please come back tomorrow.
11. C: Very good. I'll get paid tomorrow. I shall come to get my new suit to wear at the party tomorrow night.
12. N.B.H: Please, pay a deposit now.

VS. L 85

13. C: Are one hundred plasters enough?

14. N.B.H: It's enough. Thank you. See you tomorrow.



VS. L 85

Ngũ-vụng

ấm	warm
áo	jacket
bền	lasting, durable
cắt	to cut
đặt tiền cọc	to give earnest money, deposit
gương	mirror
hẹp	narrow
lãnh	to receive, acquire
lương; lãnh lương	salary, wage; to get paid
may	to sew, to tailor
nhập-cảng	to import, imported
ni <i>felt, flannel</i>	wool
ông quần	pants leg
sẵn	ready
soi; soi gương	to look at oneself (in the mirror)
thử	to try
thượng-hạng	first class, top quality
tiệc	banquet, party
trở lại	to come back
vừa-vặn	fit, just
vừa ý	pleased, to suit someone's taste

PATTERN DRILL

bốn lăm

"forty five"

- a. sáu tám or sáu mười tám
- b. năm bốn or năm mười bốn
- c. bảy hai or bảy mười hai
- d. chín một or chín mười một

NOTE: In speech, and sometimes in reading and writing too, the word mười may be dropped in the numerals between tens from 40 to 100.



VS. L 85

Nhà Lê và Nhà Mạc

Khi Mạc-đăng-Đùng cướp ngôi nhà Lê thì ông Nguyễn-Kim làm ^{manh}quan ^{court} trong triều nhà Lê, trốn sang Ai-lao. Ông Nguyễn-Kim cho người đi tìm con cháu nhà Lê để ^{rescue}khôi-phục ngôi vua cho nhà Lê. Năm 1532, tìm được một người con của vua Lê-chiêu-Tông, đưa lên làm vua, lấy tên là Lê-Trang-Tông.

Từ đó ông Nguyễn-Kim chiêu-tập ^{collect}quân-sĩ, thu-dụng người tài, cho ngày về đánh nhà Mạc. Ông Trịnh-Kiểm là một người tướng giỏi, được ông Nguyễn-Kim (tên) dùng và gả con gái cho. Năm 1543, quân của ông Nguyễn-Kim đánh chiếm được đất Nghệ-An, Thanh-Hóa. Năm 1545, ông Nguyễn-Kim bị quân nhà Mạc đánh ^{prisoned}thuộc độc chết khi ông đem ^{force}quân tiên đánh Sơn-Nam. Những binh-quyền đều ^{withdrawing}giáo cả cho con rể là Trịnh-Kiểm. Từ đó các quyền-hành đều ở trong tay họ Trịnh cả. Trong hơn sáu mươi năm trời (1527-1592), thỉnh thoảng quân của nhà Mạc vào đánh quân của nhà Lê, nhưng đều bị thua phải rút về. Quân của nhà Lê ra đánh quân nhà Mạc cũng bị thua phải rút về, vì thế nước Việt bây giờ phải ở trong ^{situation}tình-trạng chia ^{divided}đôi: từ Thanh-Hóa ^{from}trở vào thuộc nhà Lê, từ Sơn-Nam ^{from}trở ra thuộc nhà Mạc.

Năm 1592 Trịnh-Tùng mang đại-binh đánh chiếm được thành Thăng-Long (Hà-nội bây giờ), nhà Mạc chạy lên Lạng-Sơn, Cao-Bằng và ở đó đến năm 1625 thì mất hẳn.

NOTE: Practice reading this lesson at home until you can go through it with perfect ease and fluency.

Ngũ-vịng

bình-quyển	military authority
chiếu-tập	to call to arms
con rồ	son-in-law
đại-binh	big army
đánh thuốc độc	to poison
giao cho	to entrust to
khôi-phục	to restore
người tài	talented person
thu-dụng	to gather, employ
tin dùng	to trust and use
tình-trạng	situation, state of affairs
trốn	to escape

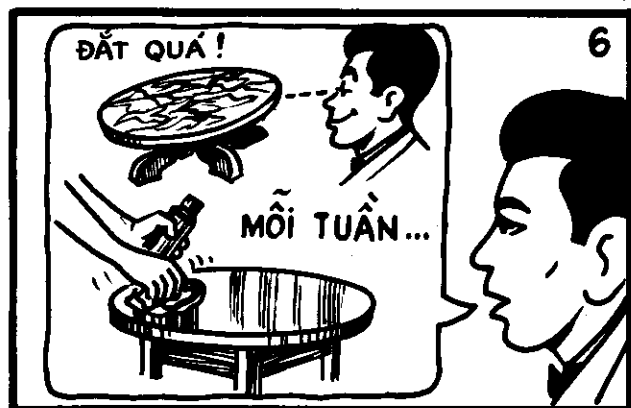
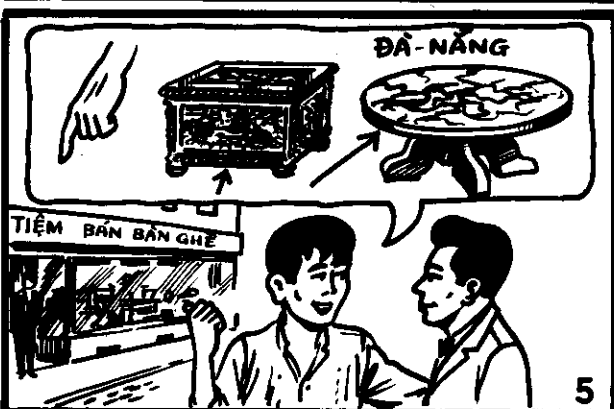
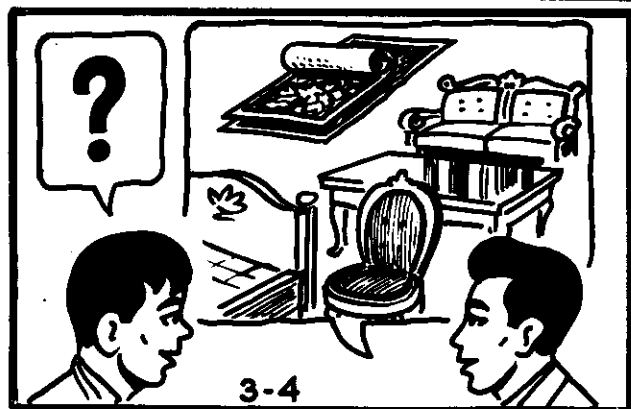
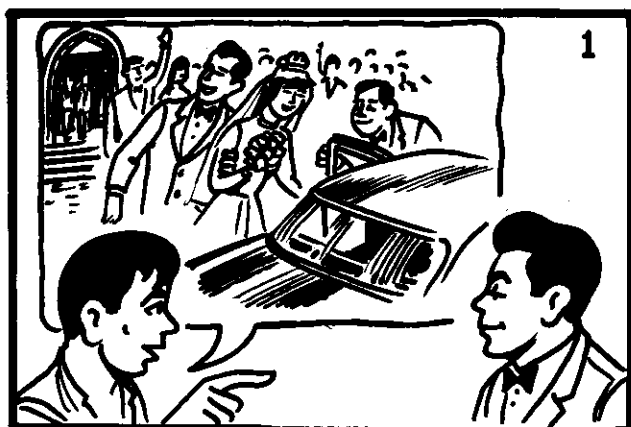
Câu hỏi:

1. Ông Nguyễn-Kim là ai?
2. Ông Nguyễn-Kim sang Ai-lao làm gì?
3. Ông Trịnh-Kiểm là ai?
4. Ai giết ông Nguyễn-Kim?
5. Sau khi ông Nguyễn-Kim chết, ai lo việc giúp vua nhà Lê?
6. Nhà Lê và nhà Mạc đánh nhau trong bao nhiêu năm?
7. Từ năm 1527 đến năm 1592, nước Việt bị chia đôi ở đâu?
8. Sau cùng nhà Lê hay nhà Trịnh thắng?
9. Thăng-Long là gì?
10. Nhà Mạc thua chạy đi đâu?

Tục ngữ Việt-Nam:

"Lắm thấy nhiều ma,

Lắm cha con khó lấy chồng."



BÀI THỨ TÁM MƯƠI SÁU

1. Đinh: Chào anh Lợi, nghe nói anh sắp cưới vợ phải không?
2. Lợi: Dạ phải. Bây giờ tôi phải sắm-sửa một ít đồ đạc.
3. Đ: Anh muốn mua gì?
4. L: Tôi muốn mua một đôi chiếu bông và một bộ bàn ghế bằng gỗ gụ.
5. Đ: Tôi chỉ cho anh một nơi bán bàn ghế chạm-trổ rất công-phu. Mặt bàn bằng đá cẩm-thạch lấy tận Đà-Nẵng.
6. L: Cảm ơn anh, đá cẩm-thạch thì đẹp nhưng đắt quá. Tôi sẽ mua đồ toàn bằng gỗ rồi mỗi tuần chịu khó đánh xi một lần cho bóng thì cũng đẹp vậy.
7. Đ: Để tôi đưa anh tới đó coi nhé. Nếu có bộ nào vừa ý anh thì anh đặt một ít tiền cọc, rồi khi nào họ mang bàn ghế lại nhà anh sẽ trả thêm.
8. L: Cảm ơn anh lắm. Mua bàn ghế xong tôi cũng muốn tới tiệm thuốc mua thuốc nhức đầu.
9. Đ: Xong rồi anh còn phải đi đâu nữa không?
10. L: Có lẽ tôi sẽ đi hớt tóc. Thôi, chúng ta đến tiệm bán bàn ghế đi để khỏi bỏ phí thì giờ.

Lesson 86

1. Đinh: Hi Lqi! I heard that you're going to get married, are you?
2. Lqi: Yes. I have to go shopping for a few things now.
3. Đ: What would you like to buy?
4. L: I want to buy a pair of mats with designs on them and one set of furniture made with "gụ".
5. Đ: I'll show you a place where they sell furniture which is decorated with meticulously worked carvings. The tops of the tables are made of marble brought all the way from Đà-Nẵng.
6. L: Thank you, marble is beautiful but too expensive. I'll buy all wood, then if I wax it once a week it will be as shiny and beautiful.
7. Đ: Let me take you to that place. If you like any set you just pay a small deposit, then you pay the rest when the set is delivered to your house.
8. L: Thank you very much. After shopping for the furniture I'd like to go to a drug store to buy some medicine for a headache.
9. Đ: After that, do you have to go anywhere else?
10. L: Perhaps I'll go and get a haircut. Well, let's go to the furniture store now so we won't waste time.

VS. L 86